

Số: 126/QĐ-ĐHL

Thừa Thiên Huế, ngày 13 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học thứ hai, hình thức đào tạo chính quy đào tạo tại Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị  
đợt 1 (tháng 5 năm 2020)

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Luật trực thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Văn bản hợp nhất số 17/VBHN ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Căn cứ Quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai ban hành theo Quyết định số 22/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 6 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng xét tốt nghiệp đại học, hình thức đào tạo chính quy, đợt 1 (tháng 5 năm 2020);

Xét đề nghị của các Ông: Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí-ĐBCLGD và Trưởng Phòng CTSV,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học thứ hai, hình thức đào tạo chính quy, cho 50 (năm mươi) sinh viên đào tạo tại Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị, có tên theo danh sách đính kèm Quyết định này.

**Điều 2.** Các Ông (Bà) Trưởng các Phòng chức năng, Trưởng các Khoa trực thuộc trường và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Đại học Huế (để báo cáo);
- Như Điều 2 “để thi hành”;
- Lưu: VT, ĐT, KT-ĐBCLGD, CTSV, Website.



**Đoàn Đức Lương**

DANH SÁCH SINH VIÊN  
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG ĐẠI HỌC BẰNG THỨ HAI NGÀNH LUẬT,  
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY, NIÊN KHÓA 2017 – 2020  
ĐÀO TẠO TẠI PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC HUẾ TẠI QUẢNG TRỊ  
ĐỢT 1 (THÁNG 5 NĂM 2020)

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-DHL ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế)

| STT | Mã SV      | Họ và tên        |       | Ngày sinh  | Giới tính | Điểm trung bình |      | Xếp loại tốt nghiệp | Ghi chú |
|-----|------------|------------------|-------|------------|-----------|-----------------|------|---------------------|---------|
|     |            |                  |       |            |           | Hệ 10           | Hệ 4 |                     |         |
| 1   | 1725015067 | Võ Ngọc          | Anh   | 11/04/1985 | Nam       | 7.12            | 2.79 | Khá                 |         |
| 2   | 1725015068 | Hoàng Thị Kim    | Châu  | 26/05/1982 | Nữ        | 7.64            | 3.14 | Khá                 |         |
| 3   | 1725015069 | Lê Phi           | Châu  | 10/04/1977 | Nam       | 7.56            | 3.07 | Khá                 |         |
| 4   | 1725015070 | Trương Thị Kim   | Cúc   | 29/10/1983 | Nữ        | 7.60            | 3.12 | Khá                 |         |
| 5   | 1725015071 | Lê Bá            | Cường | 20/04/1978 | Nam       | 7.39            | 2.94 | Khá                 |         |
| 6   | 1725015073 | Nguyễn Thị Xuân  | Diệu  | 05/07/1988 | Nữ        | 7.55            | 3.08 | Khá                 |         |
| 7   | 1725015074 | Nguyễn Đình      | Độ    | 01/06/1977 | Nam       | 6.97            | 2.67 | Khá                 |         |
| 8   | 1725015075 | Hoàng            | Duy   | 06/06/1979 | Nam       | 7.36            | 2.92 | Khá                 |         |
| 9   | 1725015077 | Nguyễn Hồng      | Hải   | 18/12/1974 | Nữ        | 7.46            | 3.00 | Khá                 |         |
| 10  | 1725015078 | Nguyễn Khoa      | Hải   | 14/03/1980 | Nam       | 7.30            | 2.93 | Khá                 |         |
| 11  | 1725015079 | Lê Thanh         | Hải   | 06/08/1981 | Nam       | 7.23            | 2.89 | Khá                 |         |
| 12  | 1725015080 | Phan Thanh       | Hải   | 16/10/1981 | Nam       | 7.27            | 2.89 | Khá                 |         |
| 13  | 1725015081 | Nguyễn Thanh     | Hải   | 03/05/1985 | Nam       | 7.21            | 2.87 | Khá                 |         |
| 14  | 1725015082 | Hoàng Thị        | Hằng  | 04/03/1988 | Nữ        | 7.63            | 3.14 | Khá                 |         |
| 15  | 1725015083 | Phan Thị         | Hằng  | 14/11/1983 | Nữ        | 7.43            | 3.01 | Khá                 |         |
| 16  | 1725015084 | Phạm Thị Thúy    | Hằng  | 02/09/1973 | Nữ        | 7.49            | 3.05 | Khá                 |         |
| 17  | 1725015087 | Hồ Nguyễn Ngọc   | Hiếu  | 08/07/1986 | Nam       | 7.32            | 2.92 | Khá                 |         |
| 18  | 1725015088 | Nguyễn Thị Thu   | Hòa   | 11/06/1977 | Nữ        | 7.55            | 3.08 | Khá                 |         |
| 19  | 1725015089 | Phan Thanh       | Hoàng | 10/12/1983 | Nam       | 7.27            | 2.90 | Khá                 |         |
| 20  | 1725015090 | Trần Đức         | Hùng  | 02/09/1986 | Nam       | 7.44            | 2.98 | Khá                 |         |
| 21  | 1725015091 | Nguyễn Mạnh      | Hùng  | 02/12/1980 | Nam       | 7.28            | 2.94 | Khá                 |         |
| 22  | 1725015092 | Trần Thị         | Hương | 18/02/1985 | Nữ        | 7.31            | 2.90 | Khá                 |         |
| 23  | 1725015093 | Nguyễn Thị Thanh | Hương | 23/10/1977 | Nữ        | 7.50            | 3.05 | Khá                 |         |
| 24  | 1725015096 | Lê Thị           | Lan   | 29/03/1977 | Nữ        | 7.59            | 3.11 | Khá                 |         |
| 25  | 1725015097 | Nguyễn Ngọc      | Lân   | 19/10/1979 | Nam       | 7.51            | 3.07 | Khá                 |         |
| 26  | 1725015100 | Nguyễn Thị Hồng  | Lý    | 14/02/1984 | Nữ        | 6.75            | 2.55 | Khá                 |         |
| 27  | 1725015101 | Lê Công          | Minh  | 18/08/1979 | Nam       | 7.42            | 2.99 | Khá                 |         |
| 28  | 1725015102 | Lê Ngọc          | Nam   | 18/10/1986 | Nam       | 6.73            | 2.54 | Khá                 |         |
| 29  | 1725015103 | Diệp Thị Thúy    | Nga   | 01/07/1991 | Nữ        | 7.35            | 2.91 | Khá                 |         |
| 30  | 1725015104 | Diệu Thị Kim     | Ngọc  | 22/12/1985 | Nữ        | 7.65            | 3.16 | Khá                 |         |
| 31  | 1725015105 | Dương Thị Hoài   | Nhi   | 19/02/1984 | Nữ        | 7.41            | 2.93 | Khá                 |         |
| 32  | 1725015106 | Trần Thị         | Nhung | 19/07/1990 | Nữ        | 7.41            | 2.95 | Khá                 |         |
| 33  | 1725015107 | Hồ Xuân          | Ninh  | 30/03/1983 | Nam       | 7.21            | 2.83 | Khá                 |         |



| STT | Mã SV      | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Giới tính | Điểm trung bình |      | Xếp loại tốt nghiệp | Ghi chú |
|-----|------------|------------------|--------|------------|-----------|-----------------|------|---------------------|---------|
|     |            |                  |        |            |           | Hệ 10           | Hệ 4 |                     |         |
| 34  | 1725015111 | Hồ Thị           | Sáu    | 04/05/1977 | Nữ        | 7.10            | 2.75 | Khá                 |         |
| 35  | 1725015113 | Nguyễn Văn       | Sỹ     | 13/11/1978 | Nam       | 7.63            | 3.08 | Khá                 |         |
| 36  | 1725015116 | Hoàng Lê Phương  | Thanh  | 18/11/1994 | Nữ        | 7.36            | 2.95 | Khá                 |         |
| 37  | 1725015117 | Võ Thị Phương    | Thảo   | 30/08/1989 | Nữ        | 6.97            | 2.69 | Khá                 |         |
| 38  | 1725015119 | Võ Thị Hồng      | Thương | 24/02/1984 | Nữ        | 7.59            | 3.10 | Khá                 |         |
| 39  | 1725015120 | Nguyễn Thị       | Thủy   | 12/12/1989 | Nữ        | 7.43            | 2.97 | Khá                 |         |
| 40  | 1725015121 | Nguyễn Thị Mỹ    | Tiên   | 25/11/1994 | Nữ        | 7.48            | 3.02 | Khá                 |         |
| 41  | 1725015122 | Phan Văn         | Tiến   | 22/03/1983 | Nam       | 7.72            | 3.17 | Khá                 |         |
| 42  | 1725015124 | Nguyễn Thị Huyền | Trang  | 23/11/1989 | Nữ        | 7.60            | 3.05 | Khá                 |         |
| 43  | 1725015125 | Trần Lê Minh     | Trang  | 22/08/1995 | Nữ        | 7.44            | 2.96 | Khá                 |         |
| 44  | 1725015126 | Lê Anh           | Tuấn   | 05/07/1982 | Nam       | 7.02            | 2.70 | Khá                 |         |
| 45  | 1725015127 | Nguyễn Văn       | Tuyển  | 04/08/1985 | Nam       | 7.24            | 2.85 | Khá                 |         |
| 46  | 1725015129 | Lê Quang         | Vinh   | 28/03/1982 | Nam       | 7.16            | 2.79 | Khá                 |         |
| 47  | 1725015130 | Nguyễn Thị Kim   | Xoa    | 16/08/1981 | Nữ        | 6.83            | 2.60 | Khá                 |         |
| 48  | 1725015132 | Hoàng Thị Như    | Ý      | 13/01/1981 | Nữ        | 7.59            | 3.09 | Khá                 |         |
| 49  | 1725015133 | Nguyễn Văn       | Huy    | 12/07/1988 | Nam       | 7.25            | 2.87 | Khá                 |         |
| 50  | 1725015134 | Nguyễn Văn       | Phương | 05/07/1971 | Nam       | 7.22            | 2.86 | Khá                 |         |

\* Danh sách này gồm có 50 sinh viên được công nhận tốt nghiệp.

Trong đó có:

- 50 sinh viên đạt loại Khá.

Thị Thiên Huế, ngày ... tháng ... năm 2020

PHIẾU TRƯỞNG



PGS.TS. Đoàn Đức Lương